

THỰC TRẠNG KẾT NỐI NGUỒN LỰC CỘNG ĐỒNG TRONG HỖ TRỢ CHO PHỤ NỮ ĐƠN THÂN

TS. Đặng Thị Lan Anh

Trường Đại học Lao động - Xã hội

lananh91176@gmail.com

TS. Chu Thị Huyền Yến

Trường Đại học Lao động - Xã hội

chuhuyenyen@gmail.com

ThS. Hà Thị Thu Hòa

Trường Đại học Lao động - Xã hội

thuhoaulsa@gmail.com

ThS. Lê Thị Quyên

UBND xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

quyenlt.tsc@gmail.com

Tóm tắt: Hoạt động kết nối nguồn lực cộng đồng hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội được triển khai qua bốn bước: (1) đánh giá nhu cầu kết nối nguồn lực, (2) xác định các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân, (3) thực hiện kết nối nguồn lực cộng đồng, và (4) đánh giá hiệu quả của việc kết nối nguồn lực. Kết quả nghiên cứu tại địa phương cho thấy, các nguồn lực cộng đồng đã được nhận diện với những điểm mạnh và điểm yếu rõ rệt. Cụ thể, các nguồn lực pháp lý, tài chính, con người và xã hội là thế mạnh nổi bật, trong khi nguồn lực tự nhiên và vật chất còn hạn chế. Nội lực đóng vai trò quan trọng, trong khi ngoại lực chủ yếu thúc đẩy quá trình hỗ trợ. Các hình thức hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân chủ yếu thông qua cán bộ kết nối nguồn lực và các cuộc họp chính quyền địa phương. Các hoạt động kết nối còn mang tính chung chung, thiếu sự cá biệt hóa phù hợp với đặc thù của từng cá nhân. Vì vậy, cần triển khai một số giải pháp thiết thực như phát triển đội ngũ công tác xã hội, xây dựng quỹ hỗ trợ phụ nữ đơn thân, thành lập các câu lạc bộ phụ nữ đơn thân tự giúp, và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc kết nối nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân.

Từ khóa: Cộng đồng, kết nối nguồn lực cộng đồng, hỗ trợ phụ nữ đơn thân

THE PRESENT STATE OF CONNECTING COMMUNITY RESOURCES TO ASSIST SINGLE WOMEN

Abstract: The process of linking community resources to assist single women in Mai Lam commune, Dong Anh district, Hanoi is carried out in four stages: (1) evaluating the necessity for resource connection, (2) pinpointing resources available to support single women, (3) establishing connections among community resources, and (4) assessing the effectiveness of these connections. Findings from local research indicate that community resources have been recognized with specific strengths and weaknesses. Legal, financial, human, and social resources represent significant strengths, whereas natural and material resources are constrained. Internal dynamics are crucial, while external factors primarily

facilitate the support process. Support for single women is predominantly provided through resource connection officers and local authority meetings. However, the connection activities tend to be broad and lack the necessary individualization to cater to the unique characteristics of each individual. It is essential to adopt various practical measures, including the enhancement of the social work team, the creation of a fund dedicated to assisting single women, the formation of self-help clubs for single women, and the promotion of community involvement in linking resources to support this demographic.

Keywords: Community, community resource connection, support for single mothers.

Mã bài báo: JHS - 257

Ngày nhận bài sửa: 17/02/2025

Ngày nhận bài: 09/01/2025

Ngày duyệt đăng: 20/3/2025

Ngày nhận phản biện: 20/01/2025

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ luôn đóng vai trò quan trọng trong lực lượng lao động của xã hội ở bất kỳ quốc gia nào. Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và văn minh, phụ nữ đơn thân (PNĐT) không còn là hiện tượng hiếm gặp. Thậm chí, có những PNĐT hiện đại, thành đạt, với trình độ học vấn cao, địa vị xã hội vững vàng và điều kiện kinh tế ổn định. Họ mạnh mẽ, xinh đẹp và tự chủ trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, nhóm PNĐT này chủ yếu xuất hiện ở các đô thị lớn. Trong khi đó, vẫn còn một bộ phận lớn PNĐT, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn, sống ở các vùng nông thôn. Những PNĐT nghèo khổ càng gặp nhiều thử thách trong cuộc sống. Vì vậy, KNNL cộng đồng trở thành một yếu tố quan trọng giúp PNĐT tiếp cận các nguồn lực vật chất và phi vật chất, từ đó vượt qua khó khăn và cải thiện chất lượng cuộc sống. Việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực này không chỉ giúp họ vượt lên chính mình mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội. Đặc biệt, PNĐT là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, do đó, công tác xã hội (CTXH) đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ họ. Việc vận dụng CTXH để nâng cao hiệu quả kết nối nguồn lực cộng đồng đối với những phụ nữ này là một hành động mang tính nhân văn sâu sắc. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động KNNL cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT cải thiện đời sống, phát huy thế mạnh, đảm bảo sinh kế bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này được xây dựng trên cơ sở dữ liệu thu thập từ cuộc điều tra về vai trò của cán bộ hỗ trợ nguồn lực cộng đồng trong việc huy động nguồn lực tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, vào tháng 5 năm 2023. Phương pháp thu thập thông tin chủ yếu thông qua bảng hỏi được triển khai đối với 80 phụ nữ

đơn thân trong độ tuổi từ 20 đến 60, trong đó phần lớn có trình độ học vấn từ cấp II đến cấp III, chiếm tỷ lệ lên đến 89%. Bên cạnh đó, 20 cán bộ thực hiện công tác kết nối nguồn lực cộng đồng tại địa phương cũng là đối tượng khảo sát. Ngoài ra, các phương pháp phỏng vấn sâu với một số người dân địa phương và phân tích tài liệu như báo cáo của chính quyền địa phương và các báo cáo tổng kết từ các ban ngành cũng được áp dụng nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện về dữ liệu nghiên cứu tại xã Mai Lâm.

Xã Mai Lâm, nằm ở phía đông huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, hiện có hơn 700 PNĐT, trong đó có hơn 400 PNĐT nuôi con một mình. Trong nhóm này, có 20 PNĐT thuộc hộ nghèo và cận nghèo đang nuôi con, và 8 người phụ nữ cao tuổi đơn thân không nơi nương tựa. Thêm vào đó, cộng đồng còn có hơn 200 phụ nữ cao tuổi sống đơn thân (UBND xã Mai Lâm, 2023).

3. Khái niệm và tổng quan nghiên cứu

3.1. Khái niệm

Trong tác phẩm *Single Women in Vietnam* (Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân ở Việt Nam), tác giả đã đưa ra một khái niệm rõ ràng về phụ nữ đơn thân (PNĐT), định nghĩa là “những phụ nữ chưa kết hôn hoặc đã từng kết hôn nhưng hiện tại vợ chồng sống xa cách vì nhiều lý do khác nhau” (Thi, 2005). PNĐT có thể được phân thành hai nhóm chính: (1) Phụ nữ đã kết hôn, bao gồm những người rơi vào tình trạng góa bụa, ly hôn, ly thân hoặc thiếu vắng chồng trong một khoảng thời gian dài; (2) Phụ nữ chưa kết hôn, là những người chưa từng kết hôn hoặc không có ý định kết hôn. Nhóm phụ nữ chưa kết hôn lại được chia thành hai loại: Một là những người có con ngoài giá thú hoặc nhận con nuôi; hai là những người sống độc thân, không xây dựng gia đình.

Khái niệm về PNĐT mà bài viết sử dụng bao gồm những phụ nữ chưa kết hôn hoặc không muốn kết hôn, những phụ nữ góa bụa, ly hôn, ly thân, hoặc bị chồng ruồng bỏ. Họ có thể có con, nhận con nuôi hoặc không có con. Họ có thể sống một mình, hoặc cùng con cái, gia đình, hay họ hàng.

Khái niệm Kết nối nguồn lực cộng đồng trong việc hỗ trợ phụ nữ đơn thân được hiểu là quá trình mà cán bộ KNNL thực hiện bốn nhiệm vụ cơ bản: (1) Đánh giá nhu cầu của đối tượng cần hỗ trợ, (2) Xác định các nguồn lực cần kết nối, (3) Triển khai kết nối các nguồn lực, và (4) Đảm bảo việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực. KNNL giúp xác định và đáp ứng các nhu cầu của đối tượng, đồng thời nâng cao sự quan tâm của cộng đồng đối với các vấn đề của họ. Thông qua KNNL, các nguồn lực trong cộng đồng sẽ được phát huy tối đa, hỗ trợ đối tượng và cộng đồng cùng nhau vượt qua khó khăn, qua đó góp phần nâng cao tính tự chủ của cả đối tượng và cộng đồng.

Vai trò của cán bộ KNNL được nhìn nhận qua ba khía cạnh chính: kết nối nguồn lực với thân chủ, kết nối các nguồn lực khác nhau để giải quyết vấn đề trợ giúp thân chủ và vận động để KNNL ngay trong cộng đồng. Do đó, để hỗ trợ tốt nhất cho PNĐT trong việc giải quyết khó khăn, việc nâng cao hiệu quả của hoạt động KNNL cộng đồng là vô cùng quan trọng, đặc biệt là ở ba khía cạnh trên.

Mục đích của hoạt động KNNL cộng đồng là tạo ra một mối quan hệ bền vững giữa thân chủ và hệ thống các nguồn lực phù hợp, chẳng hạn như các cơ quan, tổ chức, và đơn vị cung cấp dịch vụ cần thiết cho thân chủ và gia đình họ.

3.2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu Effective Single-Parent Training Group Program: Three System Studies (2013) của các tác giả Briggs, Miller, Orellana, Briggs và Cox đã chỉ ra những tiến bộ trong hành vi của các gia đình đơn thân thông qua các nhóm đào tạo dành cho bố/mẹ đơn thân. Nghiên cứu cũng xem xét tác động của các chương trình đào tạo này đối với các gia đình đơn thân. Tác giả Lau Yuk King (2002) đã trình bày các nguồn lực hỗ trợ gia đình đơn thân tại Hồng Kông, chủ yếu tập trung vào các dịch vụ phúc lợi xã hội. Tương tự, tác giả Kris Kisman (1991) đã nghiên cứu công tác xã hội dựa trên nền tảng nữ quyền đối với các gia đình đơn thân. Tác giả nhấn mạnh rằng các yếu tố trong công tác xã hội nữ quyền, bao gồm nhận thức, hỗ trợ và tự giúp đỡ, có thể tác động đến vòng đời của các gia đình đơn

thân. Ưu điểm của hệ thống này là giúp bình thường hóa và thúc đẩy thay đổi chính sách hỗ trợ. Nghiên cứu Single Mothers and the State's Embrace: Reproductive Agency in Vietnam (2022) của Harriet M. Phinney đã đề cập đến cách thức các bà mẹ đơn thân tại Việt Nam tương tác với nhà nước và xã hội trong việc thực hiện quyền sinh sản và nuôi dạy con cái.

Nghiên cứu Quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam của tác giả Hiên (2015) tập trung vào quyền của phụ nữ và các quy định pháp luật về quyền phụ nữ tại Việt Nam. Nghiên cứu cũng phân tích thực trạng thi hành luật trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục, lao động, y tế và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về quyền của phụ nữ, cũng như nâng cao việc thực thi trong cuộc sống.

Tác giả Hoàn (2019) đã mô tả thực trạng đời sống của nhóm đối tượng tại khu vực bán sơn địa. Nghiên cứu tập trung vào phân tích vai trò tham vấn và giáo dục của cán bộ công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ đơn thân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ từ cộng đồng và chính quyền địa phương. Nghiên cứu của Trang (2019) về công tác hỗ trợ phụ nữ đơn thân phát triển kinh tế hộ gia đình tại xã Bá Xuyên, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã phản ánh công tác hỗ trợ chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến nhiều phụ nữ đơn thân còn sống trong hoàn cảnh khó khăn chật vật thiếu thốn về kinh tế.

Tổng quan các nghiên cứu về kết nối nguồn lực nhằm hỗ trợ PNĐT cho thấy rằng, các nguồn lực mà nhóm đối tượng này mong muốn hướng đến chủ yếu là các dịch vụ xã hội, và các hoạt động kết nối nguồn lực thường liên quan đến việc triển khai thực hiện các dịch vụ này. Tuy nhiên, các bước huy động nguồn lực, đánh giá nhu cầu của đối tượng, phân tích điểm mạnh và yếu của nguồn lực, cũng như việc đánh giá hiệu quả hỗ trợ từ góc nhìn đa chiều của các bên liên quan, vẫn chưa được đề cập đầy đủ. Bài viết này sẽ làm sáng tỏ hơn những vấn đề này.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hoạt động đánh giá nhu cầu của phụ nữ đơn thân

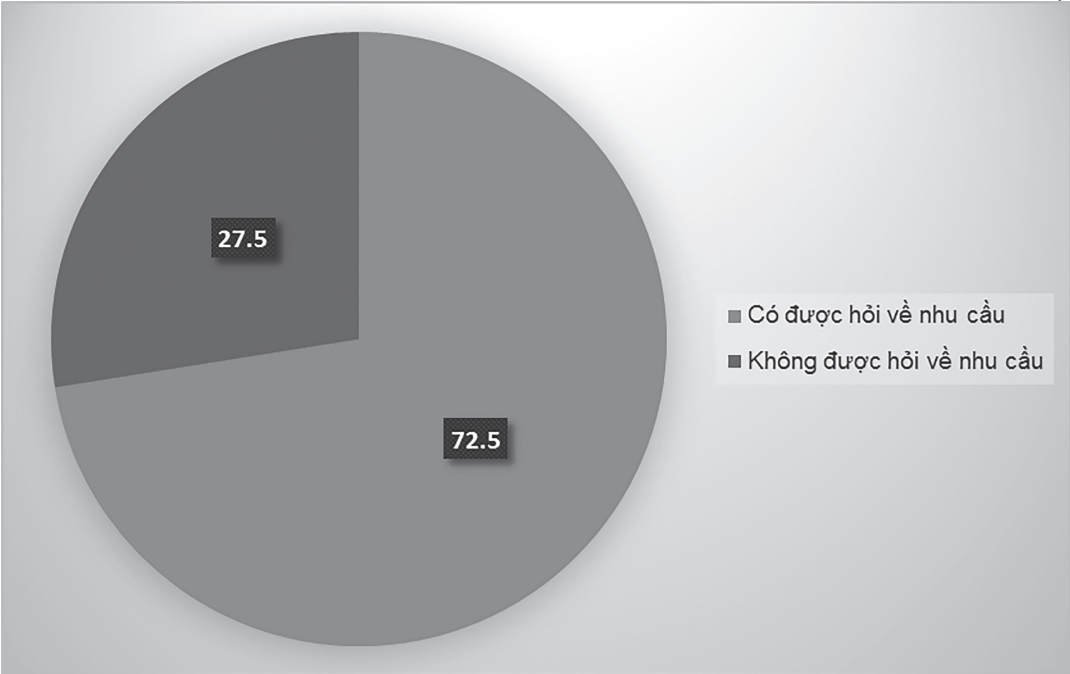
Trong quá trình KNNL cộng đồng để hỗ trợ PNĐT, bước đầu tiên mà cán bộ KNNL tại địa phương cần thực hiện là đánh giá nhu cầu hỗ trợ của nhóm đối tượng này. Đây là một hoạt động hết sức quan trọng, vì nó giúp xác định rõ ràng liệu PNĐT có thật sự cần hỗ trợ và cần kết nối với những nguồn lực nào để đáp ứng nhu cầu của họ. Việc đánh giá này đóng vai trò quyết định, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các hoạt

động hỗ trợ sau đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có 27,5% PNĐT được cán bộ KNNL hỏi về nhu cầu hỗ trợ. Trong khi đó, 72,5% PNĐT không được đánh giá nhu cầu hỗ trợ. Các ý kiến từ phỏng vấn sâu cũng chỉ

ra rằng công tác đánh giá nhu cầu của PNĐT còn khá “sơ sài”, “hỏi qua loa” và “chưa thực sự chú trọng đến từng hoàn cảnh riêng biệt của từng PNĐT” (Tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu).

Hình 1. Cán bộ KNNL hỏi về nhu cầu kết nối nguồn lực của phụ nữ đơn thân

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra của nhóm tác giả

Việc không đánh giá đầy đủ nhu cầu hỗ trợ nguồn lực của PNĐT có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của các hoạt động hỗ trợ nguồn lực. Khi các hỗ trợ không phù hợp với thực tế hoặc không đáp ứng đúng mong đợi của những người cần giúp đỡ, sẽ dẫn đến hiệu quả thấp và lãng phí nguồn lực của địa phương lẫn của nhà nước.

Đối với nhóm PNĐT đã được đánh giá về nhu cầu hỗ trợ, các nguồn lực mà cán bộ hỗ trợ chủ yếu kết nối gồm chính sách pháp luật (68,3%), hỗ trợ về con người (50,5%), vật chất (51,3%), nguồn lực tự nhiên như đất đai (20,1%), và nguồn lực xã hội như y tế, giáo dục, sức khỏe (58,7%). Tuy nhiên, các nguồn lực liên quan đến đời sống tâm lý và xã hội của PNĐT hầu như chưa được chú trọng đề cập đến.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù hoạt động đánh giá nhu cầu KNNL cộng đồng của PNĐT đã được cán bộ KNNL thực hiện nhưng vẫn còn chưa thực sự thành thực. Tỷ lệ PNĐT được hỏi về nhu cầu hỗ trợ nguồn lực cộng đồng vẫn rất thấp. Phần lớn cán bộ chỉ tập trung vào việc hỏi về nhu cầu kết nối các

nguồn lực liên quan đến chính sách pháp luật, nguồn lực xã hội, và tài chính - kinh tế, trong khi nhu cầu kết nối với các nguồn lực khác như nguồn lực tự nhiên, tâm lý, hay mối quan hệ con người lại ít được quan tâm. Tuy nhiên, để việc KNNL cộng đồng thực sự hiệu quả và giúp PNĐT vươn lên phát triển, cần phải có sự kết hợp phù hợp, linh hoạt với từng hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi PNĐT.

4.2. Hoạt động đánh giá nguồn lực cộng đồng có thể kết nối hỗ trợ phụ nữ đơn thân

Để thực hiện KNNL cộng đồng hiệu quả, ngoài việc đánh giá nhu cầu của đối tượng, cán bộ KNNL còn cần phải đánh giá được các nguồn lực cộng đồng hiện có tại địa phương, đặc biệt là những nguồn lực phù hợp và cần thiết đối với đối tượng cần hỗ trợ, trong trường hợp này là PNĐT. Qua tìm hiểu từ các lãnh đạo và cán bộ KNNL tại xã Mai Lâm, kết quả cho thấy cán bộ KNNL đã thực hiện việc đánh giá các nguồn lực cộng đồng nói chung và nguồn lực hỗ trợ PNĐT nói riêng thông qua việc nắm bắt và liệt kê các nguồn lực có sẵn tại địa phương. Họ cũng phân tích điểm mạnh và điểm

yếu của từng nguồn lực, từ đó đưa ra các phương án phù hợp để áp dụng, nhằm kết nối và hỗ trợ hiệu quả cho nhóm PNĐT.

Cán bộ KNNL đã xác định các nguồn lực cộng đồng bao gồm: chính sách và pháp luật của Nhà nước; con người; vật chất; tài nguyên thiên nhiên; nguồn lực xã hội và tài chính - kinh tế. Trong đó, nguồn lực từ chính sách và pháp luật của Nhà nước được xem theo các quy định chung về chế độ chính sách áp dụng trên toàn quốc. Các nguồn lực còn lại như: con người, vật chất, tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố xã hội, chủ yếu thuộc về đặc thù của từng địa phương, cụ thể là điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội tại xã Mai Lâm. Dựa trên hệ thống nguồn lực cộng đồng này, lãnh đạo và cán bộ KNNL tại xã Mai Lâm đã thực hiện việc đánh giá chi tiết từng nguồn lực, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nguồn lực từ chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với PNĐT

Điểm mạnh: Các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho địa phương trong việc thực hiện và áp dụng các hỗ trợ đối với các đối tượng cần giúp đỡ, trong đó có PNĐT. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng giúp bảo vệ quyền lợi của PNĐT và đảm bảo họ được tiếp cận các quyền lợi hợp pháp.

Hạn chế: Tuy nhiên, nguồn lực từ chính sách và pháp luật của Nhà nước chủ yếu là các chế độ được cấp từ trung ương xuống địa phương, mà Ủy ban Nhân dân xã Mai Lâm chỉ có trách nhiệm thực hiện và chi trả theo quy định. Điều này khiến cho nguồn lực này không hoàn toàn xuất phát từ địa phương, mà là một phần của hệ thống chính sách cấp trên. Hơn nữa, đối tượng và phạm vi bao phủ của các chính sách này còn hạn chế và chưa đủ sâu rộng, chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả phụ nữ đơn thân tại xã.

Thứ hai, nguồn lực tự nhiên thiên nhiên

Điểm mạnh: Nguồn lực tự nhiên thiên nhiên tại xã Mai Lâm bao gồm vị trí địa lý, đất đai và nguồn nước, là những tài nguyên đặc thù và có giá trị của địa phương. Hiện tại, xã Mai Lâm có 14 hộ phụ nữ đơn thân chưa có đất ở hợp lệ, trong đó có 3 hộ là PNĐT thuộc diện hộ nghèo. Đây là một tài nguyên quan trọng có thể hỗ trợ trong việc cải thiện điều kiện sống của các hộ phụ nữ đơn thân.

Hạn chế: Tuy nhiên, trong những năm gần đây,

quá trình đô thị hóa và sự phát triển lên quận đã dẫn đến việc đất đai tại xã Mai Lâm bị quy hoạch cho các phân khu đô thị. Hệ quả là không còn đất giãn dân và diện tích lớn đất nông nghiệp, đất đồng bãi hoa màu cũng được đưa vào quy hoạch xây dựng. Điều này làm hạn chế khả năng cấp đất giãn dân cho các hộ nghèo không có đất ở, đồng thời cũng khó khăn trong việc hỗ trợ đầu tư đất sản xuất nông nghiệp cho PNĐT.

Thứ ba, nguồn lực vật chất

Điểm mạnh: Một trong những nguồn lực quan trọng tại xã Mai Lâm là các cơ sở vật chất hỗ trợ phúc lợi cho PNĐT. Hàng năm, xã vẫn duy trì chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo có nhà ở tạm, dột nát hoặc hư hỏng nặng. Trung bình mỗi năm, một hộ được hỗ trợ xây nhà từ Quỹ hỗ trợ người nghèo của xã, với khoảng 30 triệu đồng huy động từ sự ủng hộ của người dân. Quỹ này chủ yếu được sử dụng để xây dựng nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo, bao gồm cả PNĐT. Công việc này được giao cho Mặt trận Tổ quốc xã thực hiện. Ngoài ra, Hội Nông dân xã cũng thực hiện nhiệm vụ trao thóc giống và phân bón hỗ trợ từ Nhà nước cho các hộ nghèo, trong đó có PNĐT, còn bộ phận văn hóa - xã hội được giao trách nhiệm chi trả tiền điện cho các hộ nghèo, bao gồm cả PNĐT. Bên cạnh đó, các cơ sở vật chất như trụ sở nhà văn hóa và trang thiết bị thể dục thể thao tại các thôn cũng phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của mọi người, đặc biệt là phụ nữ và PNĐT, tham gia các hoạt động hội hàng tháng, quý.

Hạn chế: Tuy nhiên, cơ sở vật chất tại xã vẫn còn thiếu thốn, lạc hậu và đang xuống cấp. Các thiết bị như đài phát thanh, loa, và nhà văn hóa ở các thôn đã cũ và xuống cấp, trong khi trang thiết bị bên trong cũng còn thiếu nhiều. Bên cạnh đó, các cuộc vận động quỹ chưa thu được số tiền lớn, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện hiệu quả các hoạt động KNNL cộng đồng tại địa phương.

Thứ tư, nguồn lực con người

Điểm mạnh: Nguồn lực quan trọng tại xã Mai Lâm chính là sự hỗ trợ từ cộng đồng dân cư địa phương, bao gồm những cá nhân và tổ chức có ảnh hưởng lớn đến đời sống cộng đồng. Sự giúp đỡ của người dân trong xã đối với PNĐT vẫn duy trì được những giá trị truyền thống về tình làng nghĩa xóm, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau. Những hương ước, lệ làng cũng

góp phần gắn kết cộng đồng và tạo ra một mạng lưới hỗ trợ mạnh mẽ. Như một người dân địa phương chia sẻ: “Tôi rất sẵn lòng giúp đỡ trong khả năng của mình” (PVS người dân số 14, nữ, 51 tuổi).

Ngoài sự hỗ trợ từ cộng đồng dân cư, nguồn lực con người ở địa phương còn bao gồm những cá nhân và tổ chức có uy tín trong cộng đồng, như các lãnh đạo từ cấp xã đến thôn. Cấp xã bao gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, các cán bộ KNNL, chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ, chủ tịch hội chữ thập đỏ, chủ tịch mặt trận tổ quốc, chủ tịch hội nông dân, và cán bộ lao động, thương binh, xã hội. Cấp thôn, khu bao gồm: bí thư chi bộ thôn, trưởng thôn, các chi hội trưởng hội phụ nữ, nông dân, ban công tác mặt trận, người cao tuổi, cùng các hội đoàn khác. Những cá nhân này có vai trò quan trọng trong việc thực hiện KNNL cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ PNĐT, qua việc thực hiện các chính sách của Nhà nước và xây dựng các chương trình, chính sách riêng của địa phương.

Hạn chế: Tuy nhiên, xã Mai Lâm vẫn là một xã thuần nông với trình độ dân trí còn thấp và không đồng đều. Mặc dù cộng đồng dân cư vẫn duy trì được tinh thần đoàn kết và sự hỗ trợ lẫn nhau, nhưng vai trò của họ trong các chương trình và hoạt động KNNL cộng đồng hỗ trợ PNĐT chưa thực sự phát huy hết tiềm năng. Người dân vẫn chưa tham gia đầy đủ và hiệu quả vào các hoạt động KNNL, điều này làm giảm khả năng hỗ trợ những PNĐT trong cộng đồng.

Thứ năm, nguồn lực tài chính, kinh tế

Điểm mạnh: Nguồn lực tài chính và hỗ trợ từ các tổ chức và doanh nghiệp tại xã Mai Lâm là một yếu tố quan trọng đối với việc hỗ trợ PNĐT. Ngân hàng Chính sách xã hội hàng năm vẫn duy trì chương trình giúp các hộ nghèo và cận nghèo, bao gồm PNĐT, tiếp cận vốn vay với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, các quỹ hội tại địa phương, như quỹ hội liên hiệp phụ nữ và quỹ hội nông dân, cũng đóng vai trò quan trọng. Các quỹ này được đóng góp từ hội viên và sử dụng cho các hoạt động hội, vay vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ những hội viên có hoàn cảnh khó khăn, cũng như tặng quà, sổ tiết kiệm cho những đối tượng cần hỗ trợ đặc biệt.

Một nguồn lực đáng chú ý nữa là chương trình “Ngân hàng bò” do Hội Chữ thập đỏ triển khai, nhằm trao sinh kế cho người dân địa phương. Thêm vào đó, xã Mai Lâm có 75 công ty, doanh nghiệp, trong đó có

25 doanh nghiệp quy mô lớn. Đây là nguồn lực tiềm năng về tài chính và việc làm, có thể được tận dụng để hỗ trợ PNĐT trên địa bàn. Chính quyền địa phương và các cán bộ KNNL cũng nhận thức được tiềm năng lớn từ các công ty, doanh nghiệp và đang tìm cách tranh thủ sự hỗ trợ từ các tổ chức này.

Hạn chế: Tuy nhiên, hiện tại lãnh đạo và chính quyền địa phương chưa khai thác hết tiềm năng từ nguồn lực này. Các công ty và doanh nghiệp cũng chưa thực sự thể hiện trách nhiệm trong việc đóng góp cho an sinh xã hội tại nơi họ đóng trụ sở. Mặc dù hàng năm, các công ty, doanh nghiệp đã hỗ trợ xã thông qua các quỹ như “Đền ơn đáp nghĩa”, “Khuyến học” và giải quyết việc làm cho một phần lao động, trong đó có một số PNĐT (khoảng hơn 20 người theo thống kê sơ bộ) nhưng mức độ đóng góp này còn rất thấp và chưa đủ để tạo ra tác động lớn đến cộng đồng.

Thứ sáu, nguồn lực xã hội

Điểm mạnh: Nguồn lực này được cán bộ KNNL xã Mai Lâm đánh giá cao và bao gồm các chính sách hỗ trợ y tế và giáo dục cho PNĐT. Cụ thể, PNĐT thuộc hộ nghèo và cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, trong khi PNĐT thuộc hộ có mức thu nhập dưới trung bình được hỗ trợ một phần kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, chính sách miễn giảm học phí cho con của PNĐT đang theo học các cấp học cũng góp phần giảm bớt gánh nặng cho các gia đình khó khăn.

Ở cấp độ sinh hoạt cộng đồng, PNĐT tham gia hoạt động của các chi hội phụ nữ và chi hội nông dân tại các thôn, khu. Họ được tham gia các buổi sinh hoạt hội hàng tháng, quý, và năm, cũng như các phong trào do các cấp hội tổ chức. Đây là những hoạt động tinh thần có ý nghĩa khích lệ và gắn kết cộng đồng, giúp nâng cao tinh thần của các chị em PNĐT.

Hạn chế: Tuy nhiên, số lượng đối tượng hưởng các chế độ hỗ trợ trên còn rất hạn chế, chủ yếu chỉ áp dụng cho một số con em thuộc hộ nghèo. Các buổi sinh hoạt của các hội tại thôn, khu cũng thiếu sự đa dạng và phong phú về nội dung và hình thức. Chúng chủ yếu được tổ chức dưới dạng các cuộc họp theo tháng, quý với các báo cáo, ý kiến, và chỉ đạo chung, thiếu các buổi trao đổi, thảo luận hay hoạt động thực tế như tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Điều này khiến cho hiệu quả của các hoạt động sinh hoạt hội chưa thực sự

cao và chưa tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của PNĐT trong cộng đồng.

Ngoài hệ thống nguồn ngoại lực kể trên, nguồn lực từ chính bản thân những PNĐT cũng đóng vai trò quan trọng không kém trong việc tận dụng tối đa hiệu quả của các nguồn lực, từ đó tạo ra sự thay đổi tích cực trong cuộc sống của họ.

Thứ bảy là bản thân những người phụ nữ đơn thân:

Điểm mạnh: PNĐT tại xã Mai Lâm đều nhận thức rõ ràng về nhu cầu KNNL cộng đồng. Theo khảo sát, 81,25% PNĐT bày tỏ có nhu cầu được KNNL, điều này thể hiện ý thức tự giác về những khó khăn họ đang đối mặt và niềm tin vào khả năng thay đổi cuộc sống. Chính niềm tin này thúc đẩy họ tìm kiếm sự trợ giúp, tham gia vào các hoạt động KNNL, thể hiện sự chủ động và quyết tâm vươn lên. Những PNĐT này là những người có khả năng đảm đương công việc của cả gia đình, vừa làm tròn trách nhiệm của người mẹ, vừa thay thế vai trò của người đàn ông trong gia đình. Họ vẫn tích cực tham gia vào các hoạt động của các chi hội phụ nữ tại thôn, khu, như các cuộc thi nấu ăn, cắm hoa... vào các dịp lễ, tết. Tất cả những yếu tố này tạo nên một nguồn nội lực mạnh mẽ từ chính bản thân họ, giúp họ kiên cường và vượt qua khó khăn. Những phẩm chất này sẽ ảnh hưởng và quyết định đến hiệu quả của hoạt động KNNL. Chị PTN, một PNĐT chia sẻ: *“Có lúc khổ quá cũng nghĩ, nhưng chỉ nghĩ thoáng qua thôi rồi lại lao động, tôi không sống cho một mình tôi, tôi còn sống cho con tôi và để người khác nhìn vào, dù không có người đàn ông trong nhà, chị em phụ nữ chúng tôi vẫn có thể làm thay những việc của đàn ông”* (PVS số 2, nữ, 31 tuổi).

Hạn chế: Tuy nhiên, nhiều PNĐT cũng phải đối mặt với những khó khăn lớn, là những người yếu thế trong xã hội, thiếu phương tiện và điều kiện để tham gia vào các hoạt động KNNL. Một số PNĐT còn thiếu tự tin, tâm lý tự ti và sợ hãi, dẫn đến việc không dám tham gia hoặc thậm chí từ chối sự hỗ trợ từ các nguồn lực cộng đồng. Những yếu tố này tạo nên những rào cản, làm giảm hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ và KNNL đối với đối tượng cần giúp đỡ.

Kết quả nghiên cứu trên phản ánh cán bộ KNNL xã Mai Lâm đã xác định được các nguồn lực cộng đồng và phân tích đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của mỗi nguồn lực. Trong đó nguồn lực chính sách pháp

luật là hành lang pháp lý, nguồn lực tài chính kinh tế, nguồn lực con người và nguồn lực xã hội là những thế mạnh của địa phương, còn lại những nguồn lực về tự nhiên và vật chất là những nguồn lực hiện rất yếu. Nguồn nội lực đóng vai trò quan trọng và nguồn ngoại lực đóng vai trò thúc đẩy.

4.3. Cách thức thực hiện kết nối nguồn lực đến phụ nữ đơn thân

Sau khi đánh giá được nhu cầu cần KNNL và xác định được các nguồn lực cộng đồng có tại địa phương, cán bộ KNNL xã Mai Lâm đã thực hiện KNNL thông qua việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho người thực hiện với những mục tiêu, thời gian, nhiệm vụ cụ thể và bằng các hình thức khác nhau nhằm giúp PNĐT tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực phù hợp.

** Lập kế hoạch kết nối nguồn lực*

Việc lập kế hoạch KNNL được thực hiện qua việc UBND xã soạn thảo các văn bản, bao gồm kế hoạch năm, quý, tháng; các công văn, chương trình, dự án... Trong đó chi tiết mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phân công nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và trách nhiệm cụ thể. Các văn bản này đều có chữ ký, con dấu của lãnh đạo UBND xã, được xây dựng dựa trên chỉ đạo của cấp trên hoặc theo các nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, theo từng năm và giai đoạn cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Sau khi kế hoạch được phê duyệt, UBND xã giao trách nhiệm cho bộ phận thường trực triển khai, tổ chức tập huấn cho các phòng ban, ngành liên quan và các thôn, khu vực thực hiện kế hoạch. Các buổi tập huấn có thể được tổ chức tại hội trường xã hoặc các nhà văn hóa thôn, khu.

Các ngành, thôn, khu dựa vào kế hoạch của UBND xã để xây dựng và thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời báo cáo kết quả về UBND xã theo yêu cầu của từng kế hoạch cụ thể.

UBND xã Mai Lâm đã xây dựng nhiều kế hoạch, trong đó có các hoạt động KNNL như: mở 2 lớp đào tạo nghề nuôi trồng và chế biến nấm, lớp trồng rau sạch cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 của Chính phủ; kế hoạch rà soát và xét duyệt trợ giúp xã hội; kế hoạch hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo từ quỹ “Vì người nghèo” do nhân dân, các nhà hảo tâm và doanh nghiệp đóng góp. Hội liên hiệp phụ nữ xã cũng đã xây dựng kế hoạch xây dựng quỹ tiết

kiệm của hội đạt 150 triệu đồng, hỗ trợ cho 8 hộ vay vốn ưu đãi, tặng sổ tiết kiệm cho 30 hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn và trao 30 suất học bổng cho trẻ em vượt khó thông qua phong trào “Nuôi lợn nhựa tiết kiệm”. Những kế hoạch này tuy là một phần trong các nhiệm vụ của từng ngành nghề, tuy UBND xã chưa có kế hoạch riêng về hoạt động KNNL cho đối tượng PNDT, nhưng hầu hết các kế hoạch đều hướng đến việc hỗ trợ nhóm đối tượng này.

** Người thực hiện kết nối nguồn lực*

Hoạt động thực hiện KNNL tại xã Mai Lâm không do một cán bộ đơn lẻ đảm nhận mà được triển khai bởi nhiều cán bộ chuyên môn và các ngành đoàn thể, kết hợp với nhiệm vụ chuyên môn của mỗi người. Để triển khai KNNL tới PNDT, UBND xã Mai Lâm đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các cán bộ, bao gồm: Cán bộ lao động thương binh và xã hội xã, chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã, chủ tịch hội nông dân xã, chủ tịch hội chữ thập đỏ xã, chủ tịch ủy ban mặt trận tổ quốc xã. Bên cạnh đó, các chi hội trưởng của các hội tại thôn, khu, cùng với các trưởng thôn, khu là những người trực tiếp thực hiện và giám sát các hoạt động KNNL.

** Hình thức kết nối nguồn lực*

Để thực hiện được hoạt động KNNL, cán bộ KNNL tại xã Mai Lâm thực hiện qua hình thức cụ thể, đó là: (1) thông qua các cuộc họp của chính quyền địa phương, (2) thông qua các cán bộ thực hiện nhiệm vụ kết nối nguồn lực tại địa phương (3) thông qua hoạt động tuyên truyền trên địa bàn và (4) qua một số hình thức khác như tư vấn trực tiếp/ vắng gia/ chuyện trò với phụ nữ nghèo đơn thân hoặc thành viên, người thân trong gia đình của họ. Kết quả khảo sát cho thấy: 66,7% kết nối thông qua cuộc họp, 73,8% thông qua cán bộ kết nối nguồn lực, 7,1% qua hình thức tuyên truyền và 9,5% qua một số hình thức khác.

Kết quả khảo sát thực nghiệm cho thấy hình thức kết nối qua cán bộ KNNL là phổ biến nhất. Khi thực hiện kết nối nguồn lực thông qua hình thức này, bản thân mỗi cán bộ được ví giống như một kênh truyền thông. Họ sẽ trực tiếp là người vận dụng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn, hướng dẫn để truyền tải các thông tin, các nguồn lực đến với các nhóm phụ nữ đng cần trợ giúp. Hình thức kết nối này mang tính ưu việt rõ hơn bởi các nguồn lực được kết nối một cách trực tiếp, công khai và rõ ràng hơn với đối tượng.

Hình thức kết nối phổ biến thứ hai là qua các cuộc họp của chính quyền địa phương, từ cấp xã đến các thôn, chiếm tỷ lệ 66,7%. Các cuộc họp này bao gồm việc triển khai các kế hoạch tại xã và thôn, phân công nhiệm vụ cho các bộ phận liên quan, tổ chức các cuộc họp thôn, họp dân, họp hội và họp chi hội để thông báo về nội dung và các hoạt động kết nối nguồn lực. Những PNDT đủ điều kiện sẽ được đăng ký hoặc thôn bình xét để tham gia các chương trình và nhận sự giúp đỡ, hưởng lợi từ các nguồn lực cộng đồng.

Ngoài một số hình thức kết nối nguồn lực trên thì việc tuyên truyền quan điểm chính sách của nhà nước, các chương trình hỗ trợ về tài chính, dịch vụ cho các nhóm đối tượng nói chung và phụ nữ đơn thân nói riêng cũng được thực hiện thông qua hệ thống loa phát thanh từ xã đến các thôn. Có 7,1% ý kiến ghi nhận hình thức kết nối này thực sự có tính ứng dụng khi truyền thông các thông tin liên quan đến các nguồn lực trong cộng đồng. Tuy nhiên, số lượng người dân nói chung và phụ nữ nghèo đơn thân nói riêng còn chưa tiếp cận hiệu quả với hình thức tuyên truyền này bởi lẽ do chất lượng âm thanh của hệ thống loa phát thanh tuyến cơ sở còn đôi lúc kém chất lượng, một số phụ nữ thường đi làm xa khỏi khu vực phát thanh nên hầu như họ không nhận được thông tin.

Tóm lại, hai hình thức KNNL cộng đồng chính được PNDT đánh giá cao và mang lại hiệu quả rõ rệt nhất là thông qua cán bộ KNNL và các cuộc họp của chính quyền địa phương. Đây là những phương thức chính thống, mang tính trực tiếp và có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, nhờ đó đạt được hiệu quả cao hơn so với các hình thức kết nối khác.

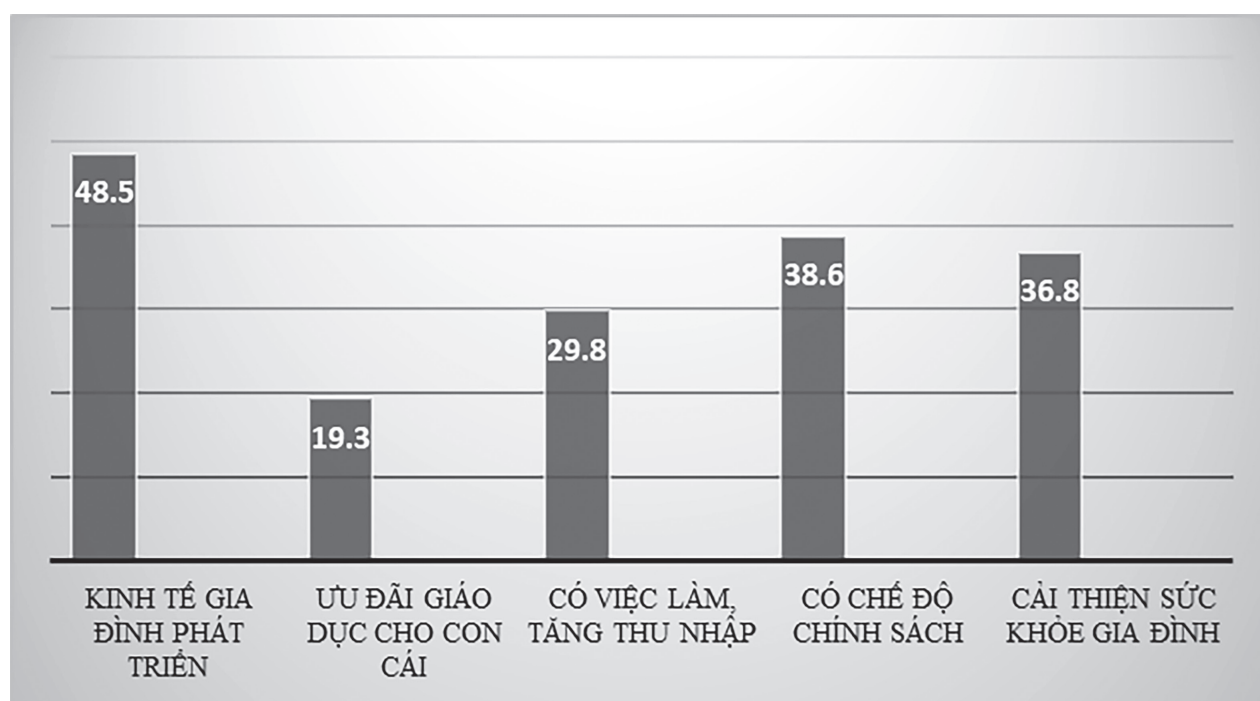
4.4. Kết quả của các hoạt động kết nối nguồn lực cộng đồng hỗ trợ phụ nữ đơn

Hiệu quả của hoạt động kết nối nguồn lực cộng đồng trong hỗ trợ PNDT được phản ánh qua ba yếu tố: (1) cảm nhận của chính những PNDT được hỗ trợ, (2) đánh giá của chính quyền địa phương và các cán bộ thực hiện hoạt động hỗ trợ, và (3) nhận xét của người dân và cộng đồng về sự thay đổi của gia đình phụ nữ đơn thân trong khu vực khảo sát.

Đánh giá của PNDT về hiệu quả của hoạt động KNNL cộng đồng được thể hiện qua mức độ thay đổi của bản thân và gia đình họ trong các khía cạnh cuộc sống sau khi nhận được sự hỗ trợ từ các nguồn lực đáp ứng nhu cầu cụ thể. Kết quả khảo sát cho thấy:

Hình 2. Những thay đổi của phụ nữ đơn thân sau khi được kết nối nguồn lực

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra của nhóm tác giả

Theo cảm nhận của chính những PNĐT, họ đánh giá sự thay đổi lớn nhất sau khi được hỗ trợ kết nối các nguồn lực cộng đồng là sự phát triển kinh tế gia đình, với tỷ lệ 48,5%. Tiếp theo là sự cải thiện trong chế độ đãi ngộ về chính sách, chiếm 38,6%, và cải thiện sức khỏe tâm lý, chiếm 36,8%. Những thay đổi này, mặc dù là bước đầu, đã cho thấy những ảnh hưởng tích cực từ việc hỗ trợ các nguồn lực của cán bộ thực hiện KNNL đối với PNĐT đang cần sự giúp đỡ.

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động KNNL không chỉ dựa trên cảm nhận của PNĐT mà còn được phản ánh qua ý kiến của chính quyền địa phương và các cán bộ KNNL cộng đồng tại địa bàn. Các lãnh đạo xã, thôn và cán bộ KNNL tại địa phương cho rằng, mặc dù hoạt động KNNL trong hỗ trợ PNĐT đã mang lại hiệu quả bước đầu, nhưng chưa tạo ra sự thay đổi lớn trong đời sống của PNĐT. Cụ thể, các hoạt động hỗ trợ hiện nay vẫn mang tính chất triển khai rộng rãi và chưa được cá nhân hóa. Xã Mai Lâm và các thôn, khu trong địa bàn xã chưa có chương trình hay hoạt động KNNL riêng biệt dành cho PNĐT.

Người dân tại xã Mai Lâm hầu hết cho rằng hoạt động KNNL cộng đồng tại địa phương mới chỉ mang tính hỗ trợ tạm thời, triển khai trên diện rộng mà chưa thực sự chú trọng đến nhu cầu đặc thù của từng PNĐT.

Một người dân khi được hỏi về hiệu quả của hoạt động KNNL tại địa phương đã đánh giá: “Tôi thấy các hoạt động KNNL cộng đồng chưa triển khai sâu sát, vẫn còn nhiều chị em PNĐT còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống”. (PVS số 8, nữ 52 tuổi). Ông LVH, một người dân khác cho biết: “Tôi thấy hoạt động KNNL cho PNĐT chưa có hiệu quả cao. Tôi thường xuyên nghe đài phát thanh của xã nhưng không nghe thấy có chương trình nào cho PNĐT, hợp ở thôn tôi cũng chưa thấy có”.

Với kết quả khảo sát thực nghiệm đã phản ánh hiệu quả của hoạt động KNNL tại cộng đồng địa phương. Về cơ bản, hoạt động này bước đầu đã có hiệu quả, biểu hiện ở minh chứng có sự thay đổi về kinh tế gia đình. Tuy nhiên, mặc dù đã có những thay đổi nhất định đối với bản thân gia đình PNĐT nhưng tỷ lệ còn thấp, đời sống của PNĐT chưa thực sự được cải thiện rõ rệt. Do đó, các hoạt động KNNL tại địa phương vẫn còn mang tính chất khai chung chung, thiếu sự chú trọng và điều chỉnh phù hợp với đặc thù của từng hộ gia đình PNĐT.

5. Kết luận

Hoạt động KNNL cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội được thực hiện chủ yếu bởi các cán bộ làm công tác KNNL. Các hoạt động chính tại địa phương đã được triển khai theo hướng CTXH, bao gồm bốn bước cơ bản: (1) đánh giá

nhu cầu KNNL, (2) xác định và đánh giá các nguồn lực tại địa phương, (3) thực hiện KNNL cộng đồng, và (4) đánh giá hiệu quả của việc KNNL cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các cán bộ KNNL đã thực hiện bước đánh giá nhu cầu hỗ trợ PNĐT. Tuy nhiên, công tác này còn thiếu chi tiết và chủ yếu dựa trên danh sách các gia đình cần trợ giúp, chưa thực sự đi sâu vào các nhu cầu cụ thể của từng đối tượng.

Về cơ bản, cán bộ KNNL tại địa phương đã xác định được các nguồn lực cộng đồng trên sáu phương diện: chính sách, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực con người, nguồn lực xã hội, tài chính kinh tế, và chính bản thân PNĐT. Các điểm mạnh, điểm yếu của từng nguồn lực cũng đã được đánh giá khá chi tiết. Tuy nhiên, việc KNNL chủ yếu được thực hiện thông qua vai trò của

các cán bộ và các cuộc họp triển khai hoạt động kết nối. Mặc dù tỷ lệ thành công chưa cao, kết quả ban đầu của việc huy động nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại địa phương đã có những cải thiện nhất định trong tình hình kinh tế của các hộ gia đình.

Đánh giá hiệu quả của KNNL hỗ trợ PNĐT được thực hiện qua cảm nhận của chính PNĐT, chính quyền địa phương và người dân trong cộng đồng, thể hiện tính toàn diện và khách quan. Dựa trên các dữ liệu thực tế, có một số gợi ý để nâng cao hiệu quả KNNL hỗ trợ PNĐT, bao gồm việc gắn kết kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên CTXH trong việc hỗ trợ nguồn lực cộng đồng, xây dựng quỹ hỗ trợ PNĐT, thành lập các câu lạc bộ PNĐT tự giúp đỡ nhau, và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc KNNL hỗ trợ PNĐT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Briggs, Miller, Orellana, Briggs & Cox. (2013). *Effective Single - Parent training group program: Three system studies*, American.
- Harriet M. Phinney. (2022). *Review of Single Mothers and the State's Embrace: Reproductive Agency in Vietnam*, Seattle: Washington University Press. 2022. 219 pp.
- Hiên, N. T. M. (2015). *Quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ.
- Hoàn, N.T.A. (2019). *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*. Luận văn thạc sĩ Đại học Khoa học - Xã hội và Nhân văn
- Kris Kisman. (1991). *Feminist - Based Social Work with Single - Parent Families*. *Families in Society American*.
- Trang, C.T.T. (2019). *Thực trạng công tác hỗ trợ phụ nữ đơn thân phát triển kinh tế hộ gia đình tại xã Bá Xuyên, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên*. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*.
- Thi, L. (2005). *Single women in Vietnam*. NXB Thế giới
- Ủy ban nhân dân xã Mai Lâm. (2023). *Báo cáo phát triển kinh tế xã hội năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024*.
- Yuk King Lau. (2002). *Social Welfare Services for Single Parent Families in Hong Kong: A Paradox*. *Child & Family Social Work*.